

Bản án số: 39/2023/HSST

Ngày 07/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị D

-Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn L

Bà Phùng Thị Tố T

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị G – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay G - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/HSST, ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Rơ Ô S, sinh năm 1994 tại huyện K, tỉnh G; Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Rah Lan B, sinh năm 1962 và bà Rơ Ô H'Đ, sinh năm 1963; Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình có 06 anh chị em.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại: Ông Lữ Văn H, sinh năm 1980; Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

-Người làm chứng: Chị Rơ Ô H'T, sinh năm 1997; Trú tại: Buôn T, xã P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

-Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Nay Dăm T, sinh năm 1986; trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh G. Có mặt

NHẬN THẤY:

Vào khoảng 20 giờ ngày 04/7/2023, Rơ Ô S đang uống rượu với gia đình tại nhà thì xảy ra mâu thuẫn với cha mẹ nên S lấy ba lô xếp quần áo và bỏ nhà đi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, S đi bộ đến trước cửa hàng Honda M của anh Lữ Văn H tại buôn T, xã P, huyện K, tỉnh G thì thấy một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-237.92 đang dựng trước

cửa hàng, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Rơ Ô S đến gần thì phát hiện chìa khóa để trên xe, Sơn ngồi lên xe mở khóa, nổ máy và điều khiển xe vào rẫy của gia đình S tại buôn D, xã I. Tại chòi rẫy của gia đình, S mở cốp xe thì phát hiện trong xe có 4.450.000 đồng, S lấy sử dụng hết 70.000 đồng, số tiền còn lại S cất giữ trong người. Ngày 06/7/2023, em gái S là Rơ Ô H'T thấy S sử dụng xe mô tô của người khác thì nghi ngờ S trộm cắp tài sản nên trình báo công an xã P.

Kết luận định giá số 17/KL-HĐĐG ngày 14/7/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện K kết luận: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81N1-237.92 trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu).

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 19.450.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xanh tím, loại Wave, biển kiểm soát 81N1-237.92 và số tiền 4.380.000 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lữ Văn H.

Tại phiên tòa, bị cáo Rơ Ô S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá, các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra và truy tố không có khiếu nại gì các quyết định cũng như các hành vi của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện K cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đối với vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng) cho bị hại. Người bị hại đã nhận đủ và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G truy tố bị cáo Rơ Ô S về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Rơ Ô S về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS: xử phạt bị cáo Rơ Ô S: từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo: Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 04/7/2023, Rơ Ô S có hành vi lén lút chiếm đoạt một xe mô tô biển kiểm soát 81N1-237.92, có giá trị 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và số tiền 4.450.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) của bị hại Lữ Văn H, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.450.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Lời nhận tội của bị cáo Rơ Ô S tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Rơ Ô S đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nhưng lại lười lao động mà muốn hưởng thành quả trên sức lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bị

hại để chiếm đoạt tư lợi cho bản thân. Do đó, hành vi của bị cáo phải chịu sự trừng phạt của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo tỏ ra thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa chung đối với đối với một tầng lớp thanh thiếu niên lười lao động, ham chơi bởi lêu lổng dẫn đến hành vi phạm tội, nhất là tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng nhất là trong khu vực dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 70.000 đồng (*bảy mươi nghìn đồng*) cho bị hại. Người bị hại đã nhận đủ và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên HĐXX không xem xét đến vấn đề này nữa.

[5] *Về án phí:* Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có công việc ổn định và không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Rơ Ô S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Rơ Ô S 08 (*tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Rơ Ô S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (07/11/2023), người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án Nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Dung

